

Số: 45 /2019/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 18 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ
mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý, chỉ đạo, điều hành của cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ.

2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ

1. Cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ để phục vụ mục tiêu quản lý, chỉ đạo, điều hành của cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền.

2. Trong phạm vi ngành, lĩnh vực được giao quản lý nhà nước, Sở, ban, ngành tổng hợp, xử lý thông tin trên địa bàn tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Hình thức báo cáo định kỳ

Chế độ báo cáo định kỳ quy định tại Quyết định này được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử (bao gồm bản pdf và bản word).

Điều 5. Phương thức gửi, nhận báo cáo định kỳ

Chế độ báo cáo định kỳ quy định tại Quyết định này được gửi đến cơ quan

nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau:

1. Gửi qua phần mềm hệ thống quản lý văn bản và điều hành.
2. Gửi qua hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Gia Lai.
3. Gửi qua fax.
4. Gửi trực tiếp.
5. Gửi qua dịch vụ bưu chính.

Chương II

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

Điều 6. Báo cáo tình hình hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa có thu tiền bằng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô 2 bánh và các loại xe tương tự

1. Định kỳ hằng năm, Tổ, đội, nghiệp đoàn (hoặc người hành nghề vận chuyển), Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi báo cáo đến cơ quan nhận báo cáo như sau:

a) Tổ, đội, nghiệp đoàn (hoặc người hành nghề vận chuyển) gửi báo cáo đến Ủy ban nhân dân cấp xã chậm nhất vào ngày 16 tháng 12 của kỳ báo cáo.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã gửi báo cáo đến Ủy ban nhân dân cấp huyện chậm nhất vào ngày 17 tháng 12 của kỳ báo cáo.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi báo cáo đến Sở Giao thông vận tải chậm nhất vào ngày 19 tháng 12 của kỳ báo cáo.

2. Nội dung yêu cầu báo cáo, đề cương báo cáo, biểu mẫu số liệu báo cáo

Báo cáo tình hình hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa có thu tiền bằng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô 2 bánh và các loại xe tương tự thực hiện theo quy định tại Phụ lục số I ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Thời gian chốt số liệu báo cáo

Số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Điều 7. Báo cáo công tác quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ

1. Định kỳ hằng năm, Sở Ngoại vụ gửi báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất vào ngày 22 tháng 12 của kỳ báo cáo.

2. Nội dung yêu cầu báo cáo và đề cương báo cáo

Báo cáo công tác quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ thực hiện theo quy định tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Thời gian chốt số liệu báo cáo

Số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Điều 8. Báo cáo thực hiện Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp,

hợp tác xã, hộ kinh doanh

1. Định kỳ hằng năm, Thanh tra tỉnh, Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi báo cáo đến cơ quan nhận báo cáo như sau:

a) Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi báo cáo đến Thanh tra tỉnh chậm nhất vào ngày 19 tháng 12 của kỳ báo cáo.

b) Thanh tra tỉnh gửi báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất vào ngày 22 tháng 12 của kỳ báo cáo.

2. Nội dung yêu cầu báo cáo và đề cương báo cáo

Báo cáo thực hiện Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thực hiện theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Thời gian chốt số liệu báo cáo

Số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Điều 9. Báo cáo thực hiện phòng chống rửa tiền và các giao dịch có giá trị lớn trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản

1. Định kỳ 6 tháng đầu năm, hằng năm, Doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, Sở Xây dựng gửi báo cáo đến cơ quan nhận báo cáo như sau:

a) Doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, sàn giao dịch bất động sản gửi báo cáo đến Sở Xây dựng chậm nhất vào ngày 19 của tháng cuối kỳ báo cáo.

b) Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất vào ngày 22 của tháng cuối kỳ báo cáo.

2. Nội dung yêu cầu báo cáo và đề cương báo cáo

Báo cáo thực hiện phòng chống rửa tiền và các giao dịch có giá trị lớn trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản thực hiện theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Thời gian chốt số liệu báo cáo:

a) Báo cáo định kỳ 6 tháng đầu năm: số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo.

b) Báo cáo định kỳ hằng năm: số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 12 năm 2019

2. Bãi bỏ một số quy định tại các Quyết định do Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành, cụ thể như sau:

a) Bãi bỏ điểm b khoản 3, điểm g khoản 4, điểm đ khoản 5 Điều 13 Quy định về tổ chức quản lý, sử dụng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự để vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Gia Lai ban hành kèm theo Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 24/5/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

b) Bãi bỏ nội dung *“Định kỳ tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 5 tháng 12 hàng năm”*; *“tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 20 tháng 12 hàng năm”* quy định tại khoản 12 Chi thị số 06/2013/CT-UBND ngày 20/5/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

c) Bãi bỏ khoản 7 Điều 4 Quy định quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ trên địa bàn tỉnh Gia Lai ban hành kèm theo Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

d) Bãi bỏ khoản 7 Điều 13; nội dung *“Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, báo cáo hiệu quả sử dụng của hệ thống một cửa điện tử, một cửa điện tử liên thông của cơ quan, địa phương cho UBND tỉnh trong báo cáo chung đến tình hình ứng dụng công nghệ thông tin (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông)”* tại Điều 21 Quy chế Quản lý, vận hành và khai thác hệ thống một cửa điện tử, một cửa điện tử liên thông trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Gia Lai ban hành kèm theo Quyết định số 18/2015/QĐ-UBND ngày 18/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

e) Bãi bỏ nội dung *“tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định”* tại khoản 1 Điều 3 Quy định đến chức danh, số lượng và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách, các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, làng, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

f) Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 5; nội dung *“thực hiện chế độ báo cáo theo quy định về Văn phòng UBND tỉnh”* tại điểm b khoản 2 Điều 6; khoản 2 Điều 7; nội dung *“Định kỳ hàng tháng, hàng quý, 6 tháng, năm hoặc trong trường hợp đột xuất theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc của Văn phòng UBND tỉnh và các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố gửi báo cáo tình hình kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao đến Văn phòng UBND*

tỉnh và các sở, ngành, đơn vị liên quan” tại khoản 1 Điều 21; Điều 22 Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao ban hành kèm theo Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 của UBND tỉnh.

g) Bãi bỏ điểm d khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 16, khoản 10 Điều 4, điểm d khoản 2 Điều 21 Quy định đến quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai ban hành kèm theo Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 06/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

h) Bãi bỏ khoản 5 Điều 8; khoản 10 Điều 9 và khoản 7 Điều 10 Quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, chống lấn chiếm, tái lấn chiếm hành lang an toàn đường bộ trên các quốc lộ, đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Gia Lai ban hành kèm theo Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 16/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

i) Bãi bỏ nội dung *“Hàng năm, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện công tác hỗ trợ kinh phí bồi dưỡng nguồn nhân lực, thành lập mới, tổ chức lại hợp tác xã, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 05/11 để tổng hợp báo cáo các bộ, ngành trung ương đúng thời gian quy định”* tại Điều 7 Quy định nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ bồi dưỡng nguồn nhân lực của hợp tác xã, thành lập mới và tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã theo chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai ban hành kèm theo Quyết định số 20/2017/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

j) Bãi bỏ nội dung *“Tổng hợp, báo cáo tiến độ thực hiện vào ngày 20 hàng tháng, báo cáo sơ kết 6 tháng vào ngày 15/6, báo cáo tổng kết năm vào ngày 15/12 hàng năm gửi đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản)”* tại khoản 2 Điều 8; khoản 3 Điều 8 Quy định phân công, phân cấp cơ quan quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai ban hành kèm theo Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

k) Bãi bỏ nội dung *“báo cáo tình hình thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập”* tại Điều 1; Chương IV; điểm d khoản 2, điểm a khoản 6, điểm b khoản 7 Điều 19 Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai ban hành kèm theo Quyết định số 29/2017/QĐ-UBND ngày 12/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, đôn đốc các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện chế độ báo cáo định kỳ quy định tại Quyết định này.

3. Trong phạm vi quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực, các Sở, ban, ngành thống kê quy định về chế độ báo cáo định kỳ do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục báo cáo định kỳ theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ.

4. Trong quá trình thực hiện Quyết định này, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các Sở, ban, ngành tổng hợp, báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực. //

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các đơn vị thuộc Văn phòng UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Các phòng, ban thuộc Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Ngọc Thành



PHỤ LỤC I

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH, HÀNG HÓA CÓ THU TIỀN BẰNG XE THÔ SƠ, XE GẮN MÁY, XE MÔ TÔ 2 BÁNH VÀ CÁC LOẠI XE TƯƠNG TỰ

*Ban hành kèm theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND
ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai*

Phần I. Nội dung yêu cầu báo cáo, đề cương báo cáo, biểu mẫu số liệu báo cáo đối với Báo cáo của Tổ, đội, nghiệp đoàn (hoặc người hành nghề vận chuyển)

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CQ, TC BÁO CÁO Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /.... -.....

....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa có thu tiền bằng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô 2 bánh và các loại xe tương tự

1. Tình hình thực hiện:

- Khối lượng vận chuyển hàng hóa đạt được, so sánh với cùng kỳ và kế hoạch năm báo cáo; khối lượng luân chuyển hàng hóa đạt được, so sánh với cùng kỳ và kế hoạch năm báo cáo.

- Khối lượng vận tải hành khách đạt được, so sánh với cùng kỳ và kế hoạch năm báo cáo; hành khách luân chuyển hành khách đạt được, so sánh với cùng kỳ và kế hoạch năm báo cáo.

- Tổng doanh thu trong năm báo cáo đạt được, so sánh với cùng kỳ và kế hoạch năm báo cáo.

2. Đánh giá: Kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế, phương hướng nhiệm vụ.

3. Đề xuất, kiến nghị.

4. Biểu mẫu số liệu báo cáo

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm trước	Năm báo cáo		Kế hoạch năm sau	So sánh (%)		
				Kế hoạch	TH cả năm		TH năm báo cáo / KH năm báo cáo	TH năm báo cáo / TH năm trước	KH năm sau / TH năm báo cáo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8= 6/5)	(9= 6/4)	(10= 7/6)
1	Doanh thu	tỷ đồng							

2	Vận chuyển hàng hóa								
	Khối lượng vận chuyển	Nghìn Tấn							
	Khối lượng luân chuyển	Triệu T.Km							
3	Vận chuyển hành khách								
	Khối lượng vận chuyển	Nghìn HK							
	Khối lượng luân chuyển	Triệu HK.Km							

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Phần II. Nội dung yêu cầu báo cáo, đề cương báo cáo đối với Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CQ, TC BÁO CÁO Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /.... -....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa có thu tiền bằng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô 2 bánh và các loại xe tương tự

1. Tình hình thực hiện: Tình hình hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa có thu tiền bằng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh và các loại xe tương tự gồm:

- Số lượng phương tiện (xe).
- Số chuyến xe thực hiện (chuyến).
- Sản lượng khách vận chuyển (lượt khách).
- Khối lượng hàng hóa vận chuyển (tấn).

2. Đánh giá: Kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế, phương hướng nhiệm vụ.

3. Đề xuất, kiến nghị.

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

PHỤ LỤC II
BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ HỘ CHIẾU NGOẠI GIAO,
HỘ CHIẾU CÔNG VỤ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2019/QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÊN CQ, TC BÁO CÁO Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /.... -....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO
Công tác quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ

1. Tình hình quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ
 - Tổng số hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ được cấp tính đến kỳ báo cáo, bao gồm: số hộ chiếu cơ quan quản lý hộ chiếu đang quản lý; số hộ chiếu chưa nộp lại cơ quan quản lý;
 - Các trường hợp hộ chiếu bị mất, hỏng;
 - Các trường hợp đã xử lý vi phạm trong sử dụng và quản lý hộ chiếu;
 - Thông báo và chuyển cho Bộ Ngoại giao hộ chiếu của những người không còn thuộc diện được sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, bao gồm cả những người đã nghỉ hưu, thôi việc, hết nhiệm kỳ công tác, ra khỏi biên chế, bị chết, bị mất tích;
 - Các trường hợp sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ không đúng mục đích theo quy định.
 - Công tác phối hợp quản lý hộ chiếu của các cơ quan, đơn vị và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức được cấp hộ chiếu.
2. Đánh giá kết quả thực hiện công tác quản lý Hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ: khó khăn, vướng mắc.
3. Kiến nghị, đề xuất

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

PHỤ LỤC III
BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH THANH TRA, KIỂM TRA DOANH
NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ, HỘ KINH DOANH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2019/QĐ-UBND
ngày tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Phần I. ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CQ, TC BÁO CÁO Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /.... -....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO

**Thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp,
hợp tác xã, hộ kinh doanh**

1. Kết quả thực hiện kế hoạch thanh, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh:

Tổng số doanh nghiệp đã được thanh kiểm tra, tỷ lệ đạt so với Kế hoạch được phê duyệt (Nêu rõ lý do không tiến hành thanh kiểm tra theo kế hoạch được phê duyệt).

2. Kết quả đạt được qua thanh, kiểm tra doanh nghiệp theo kế hoạch

Tổng số tiền sai phạm phát hiện qua thanh tra, kiểm tra; số tiền kiến nghị thu hồi nộp ngân sách, số tiền đã thu hồi nộp ngân sách; số Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã ban hành, số tiền xử phạt vi phạm hành chính, các hình thức xử phạt kèm theo...

3. Về thanh tra, kiểm tra đột xuất, ngoài kế hoạch

- Tổng số doanh nghiệp được thanh tra, kiểm tra;
- Tổng số doanh nghiệp bị xử phạt vi phạm hành chính;
- Tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính.

4. Đánh giá chung

- Ưu điểm
- Hạn chế

5. Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ, HỘ KINH DOANH

[illegible]

PHỤ LỤC IV
BÁO CÁO THỰC HIỆN PHÒNG CHỐNG RỬA TIỀN VÀ CÁC
GIAO DỊCH CÓ GIÁ TRỊ LỚN TRONG LĨNH VỰC
KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2019/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CQ, TC BÁO CÁO Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /.... -..... , ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO

Thực hiện phòng chống rửa tiền và các giao dịch có giá trị lớn trong lĩnh
vực kinh doanh bất động sản

BẢNG CHI TIẾT VỀ GIAO DỊCH BẤT ĐỘNG SẢN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

ST T	Số hợp đồng	Loại hợp đồng	Ngày tháng giao dịch	Giá trị giao dịch (đồng)	Ghi chú
1					
2					
1					
2					
3					
4					
Tổng cộng					

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên